

HÃY XÂY DỰNG MỘT NỀN ĐẠI HỌC VIỆT THUẦN TÚY SỰ GIÀU SANG CỦA TIẾNG VIỆT

Hạ tuần tháng 9 vừa rồi (1956), khi qua Vọng Các tôi có gặp anh bạn cũ hiện làm việc tại tòa đại sứ Việt Nam. Anh vỗ lấy tôi không phải vì mừng gặp nhau, mà chỉ để nói với tôi một chuyện. Anh nói:

- Tôi vừa về thăm nước nhà sang đây. Vào một tiệm giải khát ở Sài Gòn, tôi hỏi đồng bào chủ tiệm: “*Thế nào ông mở cửa từ mấy giờ đến mấy giờ?*” Lập tức ông chủ nhún vai đáp gọn: “*Lu bù!*”

Anh bạn cười ròn vỗ vai tôi, giọng vô cùng thích thú:

- Anh thấy cách trả lời có tuyệt không? Thoạt tiên tưởng như không phải câu trả lời mà kỳ thực trả lời rất đầy đủ, gọi được cả cái nếp sống của ngôi hàng.

Đến nay càng nghĩ lại câu chuyện của anh bạn tôi càng cảm thấy thấm thía cái giàu sang, cái tế nhị của tiếng Việt. Quả vậy, giả sử có người ngoại quốc học tiếng Việt, dù người đó yêu tha thiết tiếng Việt, chịu học hỏi tiếng Việt đến đâu cũng khó lòng nắm vững cách sử dụng để có thể trả lời được một câu ngắn, gọn và vô cùng linh động: “*Lu bù!*” Về cái giàu sang của tiếng Việt chúng ta có thể tìm thấy nhan nhản những tỉ dụ ở ngay ngôn ngữ thường nhật. Từ “*Tôi chẳng cần!*” (có thể cần, mà không cần), đến “*Tôi bất cần!*” (không thêm cần tới), chúng ta thấy rõ mỗi câu có một sắc thái riêng. Điều lý thú là chữ “bất” của Tàu cũng có nghĩa là “chẳng”. Chúng ta đã mượn chữ Tàu để Việt hóa chữ đó, để thổi vào chữ đó một sắc thái khác. Nói tóm lại, chúng ta đã đồng hóa những chữ ngoại lai để phong phú hóa tiếng Việt. Về ý niệm vô hạn của không gian và thời gian, tiếng Pháp ta thấy có chữ “*infini*”, sang đến tiếng Việt chúng ta sẽ tùy từng lúc, tùy từng chỗ mà dùng những chữ: *vô cùng, vô hạn, vô thủy, vô chung*, đều là chữ Hán đã được Việt hóa.

Tôi nghĩ đến những bài đồng dao thuần nôm, hẳn là xa xưa lắm, còn mộc mạc vô cùng:

Ông giảng ông giảng

Ông giảng búi tóc

Ông khóc ông cười

Rồi những câu thơ thấp thoáng có những chữ Hán đã Việt hóa hoàn toàn:

- *Đi về đằng ấy hôm nay*
Ngựa hồng ai cưỡi cổ tay ai cầm.
- *Ngựa hồng đã có tri âm*
Cổ tay đã có người cầm thì thôi.

Rồi những câu khác có gần cả một mệnh đề chữ Hán mà nghe ra vẫn Việt như thường:

Chợt sa chân lỡ bước xuống đò

Gieo mình xuống sập còn lo nổi gò

*Gặp nhau đây **thiên tải nhất thì...***

rồi những câu thấp thoáng những điển tích những danh từ bác học, nhưng bác học một cách bình dân, vì những hình ảnh được gọi lên đã đi thẳng vào lòng người dân Việt:

*Đêm đêm tương giải **Ngân hà***

*Chuôi sao **tinh đầu** đã ba năm tròn*

*Đá mòn, nhưng dạ **chăng** mòn*

***Tào khê** nước chảy hây còn trơ tơ*

thì tôi muốn gục xuống trước bàn thờ tổ tiên để cho chính mình tan thành nước mắt, dòng suối nước mắt nhớ ơn tiền nhân đã từ thế hệ này qua thế hệ khác chau chuốt cho tiếng Việt sồn trở nên cực kỳ diễm lệ.

Rồi Tây phương đến. Tôi nhớ đến câu thơ sau này của Tế Hanh:

Những ngày nghỉ học tôi hay tới